

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**  
Số: 240/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Bình Phước, ngày 29 tháng 01 năm 2022

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường  
Dự án trang trại chăn nuôi heo theo mô hình trại lạnh khép kín,  
quy mô 5.000 con heo nái tại xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước  
do Công ty TNHH MTV Lê Gia Trường Phát Bù Đăng làm chủ đầu tư**

## **CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy  
định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ  
Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ  
môi trường;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trang trại  
chăn nuôi heo theo mô hình trại lạnh khép kín, quy mô 5.000 con heo nái tại xã  
Thọ Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH MTV Lê Gia Trường  
Phát Bù Đăng làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số  
39/CV-LGTP ngày 13/01/2022;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số  
54/TTr-STNMT ngày 26/01/2022.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trang trại chăn nuôi heo theo mô hình trại lạnh khép kín, quy mô 5.000 con heo nái (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH MTV Lê Gia Trường Phát Bù Đăng (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

## **Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:**

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 4.** Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND huyện Bù Đăng, Chủ tịch UBND xã Thọ Sơn, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Lê Gia Trường Phát Bù Đăng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT<sub>(BH-08-QĐPD-26/01)</sub>

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*Huỳnh Anh Minh*



**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**  
**TRANG TRẠI CHĂN NUÔI HEO THEO MÔ HÌNH TRẠI LẠNH**  
**KHÉP KÍN, QUY MÔ 5.000 CON HEO NÁI TẠI XÃ THỌ SƠN,**  
**HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC DO CÔNG TY TNHH MTV**  
**LÊ GIA TRƯỜNG PHÁT BÙ ĐĂNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ**  
*(Kèm theo Quyết định số ..2.40.../QĐ-UBND ngày .29./01../2022*  
*của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)*

**1. Thông tin về Dự án**

**1.1. Tên Dự án:** Trang trại chăn nuôi heo theo mô hình trại lạnh khép kín, quy mô 5.000 con heo nái.

**1.2. Chủ Dự án:** Công ty TNHH MTV Lê Gia Trường Phát Bù Đăng.

Công ty TNHH MTV Lê Gia Trường Phát Bù Đăng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3801254315 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 07/6/2021.

Trụ sở chính: Quốc lộ 14, thôn Sơn Hòa, xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đắc Hình, chức vụ: Giám đốc.

**1.3. Địa điểm thực hiện Dự án:** Thôn Sơn Hòa, xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

**1.4. Phạm vi, quy mô:** Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích khoảng 13,68 ha với quy mô 5.000 con heo nái sinh sản (diện tích khu đất thuộc quyền sử dụng của các hộ dân: Hộ ông Trần Anh Tuấn và bà Phan Thị Hạnh; hộ ông Trần Sang và bà Trần Thị Thu Hiền được UBND huyện Bù Đăng cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: số H00006 ngày 21/4/2008; số H00007 ngày 21/4/2008. Công ty TNHH MTV Lê Gia Trường Phát Bù Đăng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các hộ dân này, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện Dự án.

**1.5. Công nghệ của Dự án:** Chăn nuôi heo tập trung bằng công nghệ trại lạnh khép kín.

**1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án:** Gồm khu chăn nuôi, khu điều hành và khu vực xử lý chất thải.

**2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:**

**2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:**

- *Tác động trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án:* Bụi từ quá trình cưa xẻ, thu gom thực bì, lá, cành và rễ; khí thải từ hoạt động vận chuyển gỗ; bụi từ quá trình san nền, đào móng; bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển,



thiết bị thi công trên công trình; bụi và khí thải phát sinh từ quá trình hàn cắt kim loại, quá trình chà nhám, sơn tường; nước thải sinh hoạt của công nhân; nước thải từ hoạt động xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại.

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:* Bụi, khí thải phát ra từ các phương tiện vận tải ra vào trang trại; bụi và khí thải máy phát điện dự phòng; bụi phát sinh từ nhập nguyên liệu thức ăn; khí thải từ hầm biogas; mùi hôi phát sinh từ quá trình xử lý nước thải, khu chăn nuôi, khu vực chứa phân heo, khu vực hầm hủy xác; nước thải sinh hoạt của công nhân; nước thải từ quá trình chăn nuôi; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn không nguy hại và chất thải nguy hại.

## **2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:**

### **2.2.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án:**

- *Nước thải xây dựng:* Lưu lượng khoảng 0,5 – 01 m<sup>3</sup>/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng.

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng khoảng 03 m<sup>3</sup>/ngày; thành phần ô nhiễm gồm: BOD<sub>5</sub>, COD, SS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng nitơ (N), tổng photpho, coliform.

### **2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- *Nước thải chăn nuôi:* Tổng lưu lượng khoảng 305,50 m<sup>3</sup>/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: pH, TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, tổng nitơ, coli phân, salmonella, tổng coliform.

- *Nước thải từ quá trình sát trùng và nước tắm sau khi sát trùng:* Tổng lưu lượng phát sinh khoảng 04 m<sup>3</sup>/ngày; tính chất của nước thải này là độ pH tương đối thấp, tính oxy hóa mạnh.

- *Nước thải sinh hoạt:* Tổng lưu lượng khoảng 05 m<sup>3</sup>/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: BOD<sub>5</sub>, COD, SS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng nitơ (N), tổng photpho, coliform.

## **2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:**

### **2.3.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án:**

- *Bụi từ quá trình cưa xẻ, thu gom thực bì, lá, cành và rễ:* Nồng độ bụi phát sinh khoảng 0,146 g/s.

- *Khí thải từ hoạt động vận chuyển gỗ:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO<sub>x</sub>, CO, HC.

- *Bụi từ quá trình san nền, đào móng:* Nồng độ bụi phát sinh trong quá trình đào đất, san nền khoảng 5,5 mg/m<sup>3</sup>.



- *Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: CO, NO<sub>x</sub>, HC và bụi.

- *Bụi và khí thải từ các phương tiện, thiết bị thi công*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO<sub>x</sub>, CO, SO<sub>2</sub>, VOC.

- *Bụi và khí thải từ quá trình hàn cắt kim loại*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Khói hàn, CO, NO<sub>x</sub>.

- *Bụi và khí thải từ quá trình chà nhám, sơn tường*: Thường phát sinh hơi dung môi (VOC<sub>s</sub>) chứa các thành phần ô nhiễm như: Xylen, toluen, benzen.

### **2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- *Bụi, khí thải phát ra từ các phương tiện vận tải ra vào trang trại*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO<sub>x</sub>, CO, HC.

- *Bụi, khí thải máy phát điện dự phòng*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, CO, VOC.

- *Bụi phát sinh từ nhập nguyên liệu thức ăn*: Tổng lượng bụi phát sinh từ quá trình nhập nguyên liệu thức ăn khoảng 42,525 mg.

- *Khí thải từ hầm biogas*: Tổng lượng khí CH<sub>4</sub> sinh ra từ 02 hầm biogas dạng song song khoảng 131,7 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chính của khí biogas là CH<sub>4</sub> (58% đến 60%) và CO<sub>2</sub> (>30%) còn lại là các chất khác như N<sub>2</sub>, H<sub>2</sub>S, CO...

- *Mùi phát sinh từ quá trình xử lý nước thải, khu chăn nuôi, khu vực chứa phân heo, khu vực hầm ủ xác heo*: Thường chứa chủ yếu các thành phần như H<sub>2</sub>S, NH<sub>3</sub>, mercaptan và các amin hữu cơ, andehyt hữu cơ, axit béo dễ bay hơi...

## **2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:**

### **2.4.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án:**

- *Chất thải rắn xây dựng*: Phát sinh khoảng 59,46 kg/ngày trong suốt quá trình thi công xây dựng, chủ yếu là xi măng rơi vãi, sắt thép vụn, bao bì đựng vật liệu thải, đá, cát...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 24 kg/ngày, thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ.

### **2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- *Phân heo*: Tổng lượng phân heo phát sinh là 12.193,75 kg/ngày (tương đương 12,19 tấn/ngày); thành phần phân heo chủ yếu gồm nước (56% - 83%) và các chất hữu cơ, ngoài ra còn có các chất dinh dưỡng N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ và vô cơ.

- *Nhau thai và xác heo chết không do dịch bệnh; xác heo chết do các bệnh thông thường*: Lượng phát sinh cụ thể như sau: nhau thai và xác heo chết do ngộ, còi cọc phát sinh khoảng 84 kg/ngày; xác heo chết do bệnh thông thường phát sinh



khoảng 200 kg/06 tháng. Thành phần chủ yếu của nhau thai và xác heo chết không do dịch bệnh; xác heo chết do các bệnh thông thường gồm các chất hữu cơ, các khí tạo thành trong quá trình phân hủy chất hữu cơ như:  $\text{NH}_3$ ,  $\text{H}_2\text{S}$ ,  $\text{CO}_2$ ...

- *Bao bì cám heo dự trữ*: Tổng khối lượng phát sinh khoảng 8,505 kg/ngày.

- *Tấm làm mát bị hư hỏng, thải bỏ*: Tổng khối lượng phát sinh trung bình khoảng 145,4 kg/năm.

- *Bùn thải*: Tổng lượng bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 29,267 kg/ngày; thành phần chủ yếu gồm nước và các chất hữu cơ, ngoài ra còn có các chất dinh dưỡng N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ và vô cơ.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 40 kg/ngày; thành phần chất thải rắn sinh hoạt bao gồm các loại chất khác nhau như rau, vỏ hoa quả, xương, giấy, vỏ đồ hộp... Chất thải sinh hoạt có chứa 60% - 70% chất hữu cơ và 30% - 40% các chất khác.

## 2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

**2.5.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án**: Tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 19 kg/tháng, bao gồm: Dầu nhớt thải; chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; bao bì cứng thải bằng kim loại; bóng đèn huỳnh quang thải; các loại chất thải xây dựng khác có thành phần nguy hại.

**2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành**: Tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 37 kg/tháng bao gồm các loại chất thải như: Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác) giẻ lau, bao tay dính hóa chất/dầu mỡ; dầu nhớt thải; hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại; chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn); chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại (bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại từ quá trình sát trùng xe, chuồng trại); bóng đèn huỳnh quang thải; pin thải; hộp mực in thải có các thành phần nguy hại.

## 3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

### 3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

#### 3.1.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng*: Thu gom vào hố lắng tạm, kết cấu đất đào, dung tích  $2,0 \text{ m}^3$  (kích thước: D x R x C =  $2,0 \text{ m} \times 1,0 \text{ m} \times 1,0 \text{ m}$ ) để lắng các chất rắn lơ lửng. Nước thải sau khi lắng cần được tái sử dụng cho quá trình tưới đường để giảm bụi.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*: Xây dựng trước 07 hầm tự hoại 03 ngăn, thể tích  $3,0 \text{ m}^3$ /hầm để sử dụng chung cho cả giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng và giai đoạn Dự án đi vào vận hành. Nước thải sinh



hoạt sau khi xử lý sơ bộ qua hầm tự hoại 03 ngăn được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Nước thải sinh hoạt sau khi qua hầm tự hoại 03 ngăn phải được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường. Nước thải xây dựng phải được thu gom, lắng cặn trước khi tái sử dụng cho quá trình trộn bê tông, tưới đường giảm bụi.

### 3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Nước thải từ quá trình sinh hoạt của công nhân sau khi qua hầm tự hoại 03 ngăn được đưa vào bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý. Nước thải từ quá trình tắm giặt rửa tay, chân cùng với nước thải sát trùng được thu gom về bể điều hòa để xử lý. Chủ Dự án xây dựng 07 hầm tự hoại 03 ngăn với thể tích là 03 m<sup>3</sup>/hầm được bố trí tại: 01 hầm tại khu nhà bảo vệ; 01 hầm tại khu nhà cách ly; 02 hầm tại dãy nhà ở công nhân; 01 hầm tại khu nhà vệ sinh trong khu vực chăn nuôi; 01 hầm tại khu nhà quản lý và 01 hầm tại khu nhà điều hành.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải từ quá trình sát trùng:* Được thu gom về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải chăn nuôi:* Nước thải chăn nuôi phát sinh từ Dự án được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý. Chủ Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 480 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (đã bao gồm hệ số an toàn k = 1,48) với quy trình:

Nước thải sinh hoạt của công nhân từ nhà vệ sinh sau khi qua hầm tự hoại 03 ngăn → Bể điều hòa; Nước rửa tay, chân; nước tắm giặt cùng với nước sát trùng xe và công nhân → Bể điều hòa; Nước thải từ quá trình chăn nuôi → Hồ CT (hồ thu gom) → Hầm biogas → Hồ lắng sau biogas → Hồ điều hòa → Bể nâng pH → Bể lắng sơ bộ → Bể làm thoáng → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể phản ứng (keo tụ) → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể trung gian → Cột lọc áp lực → Bể khử trùng → Hồ chứa nước thải sau xử lý. Nước thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học được dùng để tái sử dụng cho hoạt động chăn nuôi và tưới cây trong khu vực trại.

Kích thước các hạng mục công trình xử lý nước thải như sau:

Công trình	Kích thước (m) (dài x rộng x sâu)	Số lượng	Vật liệu xây dựng
Hầm biogas	60 x 45 x 06	02	Đào hố đất, vát taluy, lót và phủ bạt HDPE
Hồ lắng sau biogas	60 x 40 x 05	01	Đào hố đất, lót bạt HDPE
Hồ điều hòa	60 x 40 x 05	01	Đào hố đất, lót bạt HDPE



Công trình	Kích thước (m) (dài x rộng x sâu)	Số lượng	Vật liệu xây dựng
Bể xáo trộn, nâng pH	03 x 2,25 x 4,4	01	Bể xây gạch, quét lớp chống thấm
Bể lắng sơ bộ	03 x 03 x 4,4	01	Bể xây gạch, quét lớp chống thấm
Bể làm thoáng	8,175 x 5,45 x 4,4	01	Bể xây gạch, quét lớp chống thấm
Bể thiếu khí	5,45 x 4,975 x 4,4	03	Bể xây gạch, quét lớp chống thấm
Bể hiếu khí	11,1 x 9,75 x 4,4	01	Bể xây gạch, quét lớp chống thấm
Bể lắng sinh học	6,45 x 6,45 x 4,4	01	Bể xây gạch, quét lớp chống thấm
Bể phản ứng keo tụ	2,15 x 1,8 x 4,4	01	Bể xây gạch, quét lớp chống thấm
Bể tạo bông	2,1 x 1,8 x 4,4	01	Bể xây gạch, quét lớp chống thấm
Bể lắng hóa lý	4,45 x 4,45 x 4,4	01	Bể xây gạch, quét lớp chống thấm
Bể trung gian	4,45 x 2,45 x 4,4	01	Bể xây gạch, quét lớp chống thấm
Lọc áp lực	Đường kính: 1,2 m; Sâu: 02 m	01	Bảng inox
Bể khử trùng	2,45 x 1,2 x 4,4	01	Bể xây gạch, quét lớp chống thấm
Bể chứa bùn	5,05 x 2,45 x 4,4	01	Bể xây gạch, quét lớp chống thấm
Hồ chứa nước thải sau xử lý	60 x 43 x 4,5	01	Đào hồ đất, lót bạt HDPE
Hồ CT (hồ thu gom)	12 x 06 x 4,5	01	Bể xây gạch, quét lớp chống thấm

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Nước thải phát sinh từ Dự án phải đảm bảo xử lý đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học trước khi tái sử dụng cho hoạt động chăn nuôi và tưới cây trong khuôn viên trang trại.

### 3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

#### 3.2.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình cưa xẻ, thu gom thực bì, lá, cành và rễ:* Xe chuyên chở gỗ và sinh khối phải được che phủ kín; bố trí hợp lý tuyến đường vận chuyển, phân luồng và tưới nước giao thông nội bộ trong khu vực Dự án; áp dụng các biện pháp thi công hiện đại, cơ giới hóa; trang bị khẩu trang, bao tay và các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân...



- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình san nền, đào móng:* Tưới nước trong các ngày nắng với tần suất 02 lần/ngày (sáng, chiều) ở các khu vực có khả năng phát sinh bụi; trang bị các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân; các loại xe chuyên chở nguyên vật liệu và xà bần phải được che phủ kín để tránh phát tán bụi; lưu trữ vật liệu xây dựng tại nơi có mái che mưa và chống phát tán bụi...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển gỗ:* Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển với tần suất 03 tháng/lần, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt; xe chuyên chở gỗ, sinh khối và vật liệu xây dựng, xà bần phải được che phủ kín để tránh phát tán bụi; bố trí hợp lý tuyến đường vận chuyển. Các phương tiện giao thông không được chở quá tải trọng quy định, hạn chế nổ máy trong lúc bốc dỡ nguyên vật liệu.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ thiết bị thi công trên công trường:* Lên kế hoạch thi công cụ thể và bố trí nhân lực hợp lý; bố trí riêng khu vực tập kết nguyên vật liệu cho Dự án và che phủ bạt kín; thường xuyên kiểm tra các phương tiện thi công nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc luôn ở trong điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ quá trình hàn cắt kim loại:* Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân; thường xuyên kiểm tra quá trình hàn cắt để kịp thời xử lý sự cố nhằm đảm bảo an toàn trong quá trình thi công...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ quá trình chà nhám, sơn tường:* Huấn luyện về kỹ thuật thi công cho công nhân; trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ an toàn lao động cho công nhân như khẩu trang, găng tay, quần áo bảo hộ lao động...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

### **3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải:* Xây dựng đường giao thông nội bộ dành riêng cho các phương tiện vận tải ra vào khu vực trang trại; tưới nước thường xuyên đường giao thông nội bộ với tần suất 01 lần/ngày; không nổ máy trong lúc bốc dỡ nguyên liệu, không chở quá tải; điều phối xe hợp lý để tránh tập trung quá nhiều xe hoạt động tại kho chứa cùng thời điểm...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng:* Bảo dưỡng định kỳ; sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp;



máy được bố trí trong nhà đặt máy phát điện; lắp đặt ống khói có chiều cao vượt mái trại khoảng 02 m, đường kính 25 cm để hạn chế các tác động đến môi trường không khí.

- *Biện pháp xử lý khí gas từ hầm biogas*: Lượng khí gas phát sinh từ hầm biogas được Chủ Dự án đốt bỏ có kiểm soát bằng hệ thống đốt khí gas (gồm đầu đốt, hệ thống chống cháy ngược, van điều khiển, bộ đánh lửa và tủ điện điều khiển), đảm bảo an toàn cháy nổ theo đúng quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do mùi hôi từ hoạt động chăn nuôi, hệ thống xử lý nước thải, khu vực chứa phân; khí từ hầm biogas và hầm hủy xác*:

*Khu vực chuồng nuôi*: Bố trí hợp lý chiều cao chuồng trại; tăng cường trồng cây xanh cách ly xung quanh khu trại để cải thiện điều kiện vi khí hậu và chất lượng môi trường không khí; xây dựng tuyến hàng rào cao 2,5 m nhằm hạn chế mùi hôi phát tán xung quanh trang trại; thường xuyên vệ sinh chuồng trại sạch sẽ; không chế ô nhiễm mùi bằng biện pháp phun chế phẩm EM cho các chuồng nuôi và phun lên mình heo với tần suất 01 lần/ngày khi không có dịch bệnh, phun với tần suất 02 lần/ngày khi có dịch bệnh; bố trí hệ thống thông gió, trang bị quạt hút, công suất 1,5 HP ở cuối mỗi dãy chuồng nuôi...

*Khu vực hệ thống xử lý nước thải*: Hệ thống mương thu gom nước thải là hệ thống kín; thường xuyên khơi thông tránh ứ đọng phân và nước thải; phun chế phẩm EM với tần suất 01 lần/ngày vào những vị trí phát sinh mùi hôi; trồng cây xanh xung quanh hệ thống xử lý nước thải...

*Khu vực nhà để phân*: Phân heo được thu gom hằng ngày sau đó được khử trùng bằng vôi bột rồi đóng bao ngay, phun chế phẩm sinh học EM với tần suất 01 lần/ngày; rắc vôi bột nhằm xử lý các vi khuẩn có hại trong phân heo với tần suất 01 lần/ngày.

*Khu vực hố hủy xác*: Rắc vôi bên trong và trên bề mặt khu vực hố hủy xác với khối lượng  $0,8 \text{ kg/m}^2$  hoặc phun chlorine nồng độ 02% với lượng  $0,2 - 0,25 \text{ lít/m}^2$  khi xử lý nhau thai và xác heo chết không do dịch bệnh, xác heo chết do các bệnh thông thường để hạn chế mùi hôi phát sinh; trang bị cửa hầm hủy xác bằng tấm bạt HDPE kích thước: 01 m x 01 m, trồng cây xanh xung quanh khu vực hố hủy xác để hạn chế sự phát tán mùi trong không khí...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Môi trường không khí khu vực Dự án đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành. Khí thải phải đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và các quy định của pháp luật hiện hành trước khi xả ra môi trường



### 3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

#### 3.3.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án:

- *Chất thải rắn xây dựng*: Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh, tận dụng san nền tại chỗ với đất, đá, gạch... Đối với lượng chất thải xây dựng không thể tận dụng, được thu gom, lưu chứa tạm thời tại kho chứa tạm kích thước: D x R = 03 m x 03 m, sau đó Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Thu gom, lưu chứa vào 02 thùng chứa bằng nhựa HDPE dung tích 120 lít, có nắp đậy kín và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

#### 3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Phân heo*: Phân heo được thu gom hằng ngày, phân từ các chuồng heo nái được thu gom khô vào bao; phân từ nhà heo nọc và heo cai sữa theo nước thải chảy về hồ CT (hồ thu gom), sau đó chảy vào hầm biogas của hệ thống xử lý nước thải. Phân heo sau khi thu gom lưu chứa tại nhà để phân diện tích 116 m<sup>2</sup>, Chủ Dự án sử dụng chế phẩm vi sinh EM phun đều lên các bao phân, tần suất 01 lần/ngày. Phân heo được xử lý đúng quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước trước khi đưa ra môi trường.

- *Nhau thai và xác heo chết không do dịch bệnh; heo chết do bệnh thông thường*: Xử lý heo chết không do dịch bệnh (ngộ, còi cọc) và nhau thai bằng phương pháp vô cơ hóa tại hầm hủy xác. Hầm hủy xác có kích thước: D x R x S = 18 m x 06 m x 05 m, chia làm 06 ngăn, kết cấu: bê tông dày từ 10 - 15 cm, được quét sơn hoặc vật liệu chống thấm. Heo chết do các bệnh thông thường, các bệnh không thuộc quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn cũng được đưa vào hầm hủy xác để xử lý.

- *Xác heo chết do dịch bệnh*: Khi chủ trang trại nghi ngờ heo chết không rõ nguyên nhân, heo chết do dịch bệnh phải báo ngay cho chính quyền địa phương và cơ quan quản lý chuyên môn gần nhất để được hướng dẫn xử lý theo quy định.

- *Bùn thải*: Lượng bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom về bể chứa bùn có kích thước: D x R x S = 5,05 m x 2,45 m x 4,4 m, kết cấu: tường xây gạch, có quét vật liệu chống thấm. Chủ Dự án phải lấy mẫu bùn thải để phân tích, trường hợp mẫu bùn có chỉ tiêu vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng





nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước; phải quản lý lượng bùn thải phát sinh từ Dự án theo đúng quy định về chất thải nguy hại; trường hợp không vượt quy chuẩn, Chủ Dự án ép bùn, lưu chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Được thu gom vào 04 thùng chứa rác, dung tích 120 lít bố trí dọc đường giao thông nội bộ, xung quanh và trong khu vực trại để thu gom rác thải..., sau đó thu gom về nhà chứa chất thải rắn thông thường diện tích 12 m<sup>2</sup>; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn thông thường*: Được thu gom và lưu chứa tại các thùng chứa, dung tích 120 lít, đặt trong nhà chứa chất thải rắn thông thường, diện tích nhà chứa chất thải rắn thông thường khu A 12 m<sup>2</sup>, diện tích nhà chứa chất thải rắn thông thường khu B 12 m<sup>2</sup>. Kết cấu 02 nhà chứa chất thải rắn thông thường là: nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái lợp tôn, cửa ra vào khung sắt; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Phân heo phải được xử lý theo đúng quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước trước khi hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý. Chất thải rắn không nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

### **3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:**

#### **3.4.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án:**

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại vào các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích 60 lít và lưu chứa tại nhà chứa chất thải nguy hại có diện tích 09 m<sup>2</sup>. Kết cấu: nền xi măng chống thấm; tường bằng tôn có mái che, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, có gờ bao và hố thu gom phòng ngừa sự cố tràn đổ theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Nhà chứa chất thải nguy hại được sử dụng cho cả giai đoạn xây dựng và giai đoạn vận hành. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo các quy định của pháp luật hiện hành.

#### **3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng chứa bằng nhựa HDPE, dung tích 200 lít, có nắp đậy kín, dán nhãn đặt trong nhà chứa chất thải nguy hại có diện tích 6,3 m<sup>2</sup> (D x R = 03 m x 2,1 m). Kết cấu của nhà chứa chất thải nguy hại nền bê tông, tường xây tô 02 mặt, quét sơn nước, mái lợp tôn, dán biển cảnh báo, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, có gờ bao



và rãnh thu gom chất thải tràn đổ theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo các quy định của pháp luật hiện hành.

### **3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn và ô nhiễm khác:**

#### **3.5.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung của thiết bị, máy móc, phương tiện thi công*: Sử dụng các loại xe chuyên dụng ít gây tiếng ồn, rung hoặc gắn các thiết bị giảm thanh để mức ồn đạt tiêu chuẩn; sắp xếp thời gian làm việc hợp lý; thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra các phương tiện giao thông, đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động của Dự án tới kinh tế xã hội*: Ưu tiên sử dụng lực lượng lao động tại địa phương; thường xuyên giám sát quá trình xây dựng của công nhân để có hướng giải quyết thích hợp khi xảy ra mâu thuẫn...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

#### **3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn*: Chuồng trại được che chắn nhằm giảm thiểu việc phát tán tiếng ồn của heo; các phương tiện vận chuyển hạn chế nổ máy trong thời gian chờ bốc dỡ...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành của Dự án.

### **3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành**

- *Biện pháp khắc phục sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải*: Thường xuyên kiểm tra hệ thống; có nhân viên vận hành đúng chuyên môn; khi phát hiện sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải phải báo ngay cho đơn vị có chức năng để sửa chữa kịp thời...

- *Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hầm hủy xác*: Hướng dẫn công nhân thực hiện hủy xác heo chết theo đúng quy trình, rắc vôi bột thường xuyên để hạn chế mùi hôi phát sinh; khi xảy ra sự cố cần bố trí nhân viên kỹ thuật khắc phục kịp thời...





- *Biện pháp giảm thiểu sự cố hóa chất, rò rỉ nhiên liệu, thuốc thú y:* Việc lưu trữ và sử dụng hóa chất phải tuân thủ theo quy định hiện hành.

- *Biện pháp hạn chế sự cố mất an toàn khi sử dụng khí gas từ hầm biogas:* Thường xuyên kiểm tra hệ thống, kiểm soát nhiệt độ đốt để khắc phục kịp thời và đảm bảo quá trình đốt xảy ra hoàn toàn; đường ống dẫn khí gas làm bằng inox; bố trí các trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định...

#### **4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:**

Các công trình bảo vệ môi trường chính được kiểm tra trước khi cho phép vận hành thử nghiệm và xác nhận hoàn thành để đi vào vận hành theo quy định:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa; công trình thu gom và xử lý nước thải.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại.
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

#### **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:**

##### **5.1. Chương trình giám sát giai đoạn thi công xây dựng Dự án:**

##### **5.1.1. Giám sát môi trường không khí khu vực thi công xây dựng:**

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực thi công xây dựng.
- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO.
- *Tần suất giám sát:* 01 lần trong cả quá trình thi công xây dựng.
- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và theo các quy định hiện hành.

##### **5.1.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:**

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.



- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng:* Theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **5.1.3. Giám sát chất lượng nước thải xây dựng:**

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại hồ lắng.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, TSS, dầu mỡ động, thực vật.

- *Tần suất giám sát:* 01 lần trong cả quá trình thi công xây dựng.

- *Quy chuẩn so sánh:* Theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **5.2. Chương trình giám sát giai đoạn vận hành thử nghiệm:**

#### **Giám sát môi trường nước thải:**

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm đầu vào tại hố thu gom và 01 điểm đầu ra tại bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, BOD<sub>5</sub>, COD, tổng chất rắn lơ lửng, tổng nitơ, tổng photpho, amoni, tổng coliform, coli phân, salmonella.

- *Tần suất giám sát:* Theo quy định của pháp luật hiện hành.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học và theo quy định hiện hành.

### **5.3. Chương trình giám sát giai đoạn hoạt động:**

#### **5.3.1. Giám sát môi trường không khí khu vực Dự án:**

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực hệ thống xử lý nước thải, 01 điểm tại nhà để phân, 01 điểm tại khu vực hầm huỷ xác và 01 điểm tại khu vực chăn nuôi.

- *Thông số giám sát:* Tiếng ồn, vi khí hậu, bụi, CH<sub>4</sub>, NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>S, CO, CO<sub>2</sub>.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và theo các quy định hiện hành.



### 5.3.2. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm đầu vào tại hố thu gom và 01 điểm đầu ra tại bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, BOD<sub>5</sub>, COD, tổng chất rắn lơ lửng, tổng nitơ, tổng photpho, amoni, tổng coliform, coli phân, salmonella.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học và theo quy định hiện hành.

### 5.3.3. Giám sát môi trường nước dưới đất:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại giếng khoan của Dự án.

- *Thông số giám sát:* pH, độ cứng tổng số, TDS, Fe, Zn, nitrit, nitrat, florua, amoni, tổng coliform.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 09-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất và theo quy định hiện hành.

### 5.3.4. Giám sát môi trường đất:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực cây xanh sử dụng nước thải sau xử lý để tưới tiêu trong khuôn viên Dự án.

- *Thông số giám sát:* As, Pb, Cu, Zn, Cd, Cr.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 03-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất và theo quy định hiện hành.

### 5.3.5. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng:* Theo quy định của pháp luật hiện hành.

## 6. Các điều kiện kèm theo:



**6.1.** Chủ Dự án phải thực hiện thiết kế cống phụ và mở lối đi riêng vào khu vực hệ thống xử lý nước thải; bố trí hệ thống khử trùng tại lối đi riêng này để đảm bảo thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền khi đến kiểm tra; phải lắp đặt camera giám sát để ghi, lưu trữ hình ảnh tại khu vực hệ thống xử lý nước thải (trường hợp có khiếu kiện, khiếu nại để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra); có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền và chính quyền địa phương trong việc kiểm tra, giám sát hệ thống xử lý chất thải theo đúng quy định.

**6.2.** Chủ Dự án phải trồng cây xanh và lắp đặt các tấm màn che chắn phía sau hệ thống quạt hút thông gió của chuồng nuôi để hạn chế và giảm thiểu mùi hôi phát tán ra môi trường xung quanh; đối với khu vực hầm hủy xác phải bố trí màn trùm cửa hầm hủy để hạn chế ruồi nhặng và mùi trong hầm hủy phát tán ra môi trường, đồng thời phải có biện pháp phòng ngừa sự cố và có biện pháp xử lý khi hầm hủy đầy.

**6.3.** Trong quá trình đi vào hoạt động, yêu cầu Chủ Dự án phải đảm bảo các biện pháp kiểm soát nước thải, mùi hôi và các tác động khác phát sinh từ Dự án đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường và khu vực xung quanh. Nếu để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường thì bị xử lý theo các nội dung đã cam kết trong Báo cáo đánh giá tác động đã được phê duyệt và theo quy định của pháp luật.

**7. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác:** Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

**7.1.** Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

**7.2.** Chủ Dự án phải đảm bảo điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học theo đúng quy định tại QCVN 01-14:2010/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

**7.3.** Trong quá trình xây dựng và hoạt động, Chủ Dự án phải thực hiện theo đúng các yêu cầu quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**7.4.** Dự án chỉ được đi vào hoạt động (chăn nuôi heo) sau khi xây dựng hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải tập trung và các công trình bảo vệ môi trường như đã trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc cấp phép theo quy định.

**7.5.** Trồng cây xanh trong khu vực Dự án đảm bảo đạt tỷ lệ 20% tổng diện tích Dự án, bố trí dãy cây xanh cách ly khu vực chăn nuôi, khu xử lý chất thải với khu vực xung quanh.



7.6. Trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

7.7. Thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 413/UBND ngày 10/11/2021 của UBND xã Thọ Sơn về việc ý kiến tham vấn về Dự án “Xây dựng trang trại chăn nuôi heo nái, quy mô 5.000 con heo nái” tại xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 10/11/2021 tại hội trường UBND xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

7.8. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo với cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

7.9. Sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, Chủ Dự án phải có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để được xem xét, cấp phép trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

7.10. Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.